

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO
VỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2016

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THANH HÓA
ĐỊA CHỈ: 20 ĐẠI LỘ LÊ LỢI - P. ĐIỆN BIÊN - TP. THANH HÓA

QUYẾT ĐỊNH

**Về quỹ tiền lương thực hiện viên chức quản lý thù lao kiểm soát viên
không chuyên trách - Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2016**

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THANH HÓA

- Căn cứ Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Căn cứ Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Căn cứ Thông tư 26/2016/TT-BLĐTTBXH ngày 01/9/2016 về việc Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Căn cứ Thông tư 27/2016/TT-BLĐTTBXH ngày 01/9/2016 về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay Quyết định tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 của công ty **3.110.085.128 đ** cụ thể như sau :

- | | |
|---|-----------------|
| - Quỹ tiền lương ban quản lý điều hành : | 789.868.800 đ |
| - Thù lao kiểm soát viên không chuyên trách : | 25.217.180 đ |
| - Quỹ tiền lương người lao động : | 2.294.999.148 đ |

Điều 2 : Phòng Tài vụ - Kế toán căn cứ quỹ tiền lương thực hiện được quyết định tại điều 1 và quy chế trả lương của công ty để thanh toán tiền lương cho cán bộ, CNV công ty.

Điều 3 : Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các ông Kế toán trưởng, trưởng các phòng nghiệp vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi gửi :

- Như điều 3 QĐ
- Lưu Cty

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Trọng Quang

**CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THANH HÓA**

**PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN
CỦA BAN QUẢN LÝ - PHỤ CẤP KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2016**

**THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH TÍNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN BAN QUẢN LÝ,
PHỤ CẤP KIỂM SOÁT VIÊN**

- I- Cơ sở để xác định quỹ tiền lương thực hiện của ban quản lý - phụ cấp kiểm soát viên năm 2016 gồm**
- Căn cứ Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
 - Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thực hiện chế độ lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
 - Căn cứ kế hoạch tài chính năm 2016 đã được phê duyệt (Các chỉ tiêu tài chính)
 - Căn cứ kết quả kinh doanh thực hiện năm 2015 và thực hiện 2016

STT	Nội dung	Thực hiện 2015	Năm 2016		ĐV
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh số	53.035.878.685	60.500.000.000	53.039.532.421	đồng
2	Lợi nhuận	910.048.887	1.000.000.000	1.285.120.341	đồng
3	Thuế nộp NSNN	11.263.432.010	13.000.000.000	10.890.225.000	đồng
4	Số lao động BQSD	37	47	37	người

II- PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUỸ LƯƠNG BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH - PHỤ CẤP KIỂM SOÁT VIÊN

A- TÍNH QUỸ TIỀN LƯƠNG BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

1- Hệ số lương cơ bản của ban quản lý (viên chức quản lý công ty gồm 3 người)

- Giám đốc HSL: 5,98
- Phó Giám đốc HSL 4,99
- Kế toán trưởng HSL 4,66
- Tổng cộng :** 15,63 HSL
- Hệ số cơ bản BQ** 5,21 HSL

2- Mức tiền lương cơ bản của ban quản lý

- Chủ tịch công ty 22.000.000 đ
- Phó Giám đốc Cty 18.000.000 đ
- Kế toán trưởng Cty 16.000.000 đ
- Tổng cộng :** 56.000.000 đ

Tiền lương CBBQ 18.666.666 đ

3- Tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách

a- Tính lợi nhuận

- Lợi nhuận kế hoạch cao hơn thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương được tính theo điểm a

mục 2 điều 10 Thông tư 27, Công ty lựa chọn mức lương cơ bản của người quản lý công ty chuyên trách bằng mức lương cơ bản: TL_{kh2016} = 18.666.666 đ

b- Tính năng suất

- Năng suất kế hoạch năm 2016

$$W_{kh2016} = \frac{(\sum T_{kh2016} - \sum C_{kh2016}) \text{ hoặc } T_{spkh2016}}{L_{bqkh2016}}$$

W_{th}: Năng suất lao động bình quân kế hoạch

$\sum T_{th}$: tổng doanh thu kế hoạch

$\sum C_{th}$ tổng chi phí (chưa có lương) kế hoạch (Doanh số trừ các khoản gồm: thuế VAT, tiền lương theo kế hoạch , lợi nhuận kế hoạch)

T_{sp} tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ kế hoạch

L_{tsd}: Số lao động thực tế sử dụng bình quân kế hoạch

$$W_{kh2016} = \frac{(60.500.000.000 - (60.500.000/1,1 - 1.000.000.000 - 3.188.804.118 - 826.433.914))}{47}$$

$$W_{kh2016} = 223.728.469 \quad \text{đ}$$

- Năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2016

$$W_{th2016} = \frac{(\sum T_{th2016} - \sum C_{th2016}) \text{ hoặc } T_{spth2016}}{L_{bqth2016}}$$

W_{th}: Năng suất lao động bình quân thực hiện

$\sum T_{th}$: tổng doanh thu thực hiện

$\sum C_{th}$ tổng chi phí (chưa có lương) thực hiện (Doanh số trừ các khoản gồm: thuế VAT, tiền lương theo thực hiện , lợi nhuận thực hiện)

T_{sp} tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ thực hiện

L_{tsd}: Số lao động thực tế sử dụng bình quân thực hiện

$$W_{th2016} = \frac{(\sum T_{th2016} - \sum C_{th2016}) \text{ hoặc } T_{spth2016}}{L_{bqth2016}}$$

$$W_{th2016} = \frac{(53.039.532.421 - (53.039.532.421/1,1 - 1.285.120.341 - 2.321.328.137))}{37}$$

$$W_{th2016} = \frac{53.039.532.421 - 44.611.308.268}{37}$$

$$W_{th2016} = 227.789.842 \quad \text{đ}$$

(Tiền lương lấy theo số thực chi đến 15/12/2016: 2.321.328.137)

- Năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2015 (năm trước liền kề)

Ta áp dụng như công thức trên

$$W_{th2015} = \frac{(\sum T_{th2015} - \sum C_{th2015}) \text{ hoặc } T_{spth2015}}{L_{bqth2015}}$$

W_{th}: Năng suất lao động bình quân thực hiện năm trước liền kề

$\sum T_{th}$: tổng doanh thu thực hiện năm trước liền kề

$\sum C_{th}$ tổng chi phí (chưa có lương) thực hiện năm trước liền kề (Doanh số trừ các khoản gồm: thuế VAT, tiền lương theo thực hiện , lợi nhuận thực hiện)

Tsp tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ thực hiện năm trước liền kề

Lttsd: Số lao động thực tế sử dụng bình quân thực hiện năm trước liền kề

$$W_{th2015} = \frac{(\sum T_{th2015} - \sum C_{th2015}) \text{ hoặc } T_{spth2015}}{L_{bqth2015}}$$

$$W_{th2015} = \frac{(53.035.878.685 - (53.035.878.685/1,1-910.048.887-2.283.664.272-616.813.181))}{37}$$

$$W_{th2015} = \frac{53.035.878.685 - 44.403.908.828}{37}$$

$$W_{th2015} = 233.296.482 \text{ đ}$$

Theo mục 2 điều 11 Thông tư 27, năng suất lao động bình quân thấp hơn so với thực hiện của năm trước liền kề thì sau khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch theo khoản 2 điều 10 Thông tư 27, phải giảm trừ tiền lương theo nguyên tắc: cứ giảm 1% năng suất lao động bình quân kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề thì giảm 0,5 % mức tiền lương bình quân kế hoạch.

$$1 - \frac{223.728.469}{233.296.482} = 0,041$$

Vậy năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2016 giảm so với thực hiện của năm 2015 là: 4,101%

$$TL_{cbkh2016} = 18.666.666 - (18.666.666 \times 4,10 \times 0,5\%)$$

$$TL_{cbkh2016} = 18.666.666 - 382.666 = 18.284.000$$

Mức tiền lương kế hoạch năm 2016 là: 18.284.000 đ

4- Tiền lương bình quân thực hiện năm 2016 của người quản lý chuyên trách

Theo điểm b mục 1 điều 15 Thông tư 27, năng suất lao động bình quân thực hiện không thấp hơn kế hoạch và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 1%

$$\frac{1.285.120.341}{1.000.000.000} - 1 = 1,285$$

Vậy lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch là: 28,512% theo điểm b mục 1 điều 15 Thông tư 27 năng suất lao động bình quân thực hiện không thấp hơn kế hoạch và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 1%, nhưng tối đa không quá 20%, công ty lựa chọn mức vượt 20%.

Tiền lương thực hiện tăng theo lợi nhuận là: $18.284.000 \times 20\% = 3.656.800 \text{ đ}$

Tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách năm 2016: $18.284.000 + 3.656.800 = 21.940.800 \text{ đ}$

Vậy tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách năm 2016: 21.940.800 đ

5- Quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách

- Quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách được áp dụng theo công thức:

$$V_{thqlct} = (L_{qlct} \times TL_{bqth} \times 12) = 3 \times 21.940.800 \times 12 = 789.868.800 \text{ đ}$$

Quỹ lương tiền lương thực hiện của viên chức quản lý 2016: 789.868.800

B- TÍNH PHỤ CẤP KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2016

- Phụ cấp kiểm soát viên năm 2016

+ Xác định tiền lương thực hiện của phó giám đốc công ty

Tiền lương bình quân thực hiện của phó giám đốc công ty :

$789.868.800 / 15,63 = 50.535.432 \times 4,99 = 252.171.805 / 12 \text{ tháng} = 21.014.317$

+ Phụ cấp kiểm soát viên tính bằng 20% lương phó giám đốc công ty :

Phụ cấp KSV : $21.014.317 * 6 \text{ tháng} * 20\% = 25.217.180 \text{ đ}$

Phụ cấp kiểm soát viên năm 2016:

25.217.180 đ

III- TỔNG QUỸ LƯƠNG BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH - PHỤ CẤP KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2016 815.085.980

Tám trăm mười lăm triệu không trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi đồng.

Ngày 11 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Văn Toàn

**PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY NĂM 2016**

**THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN CỦA
NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2016**

I Cơ sở để xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2016 gồm

- Căn cứ nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của chính phủ " Quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Căn cứ kế hoạch tài chính năm 2016 đã được phê duyệt (Các chỉ tiêu tài chính)

- Căn cứ kết quả kinh doanh thực hiện năm 2015 và thực hiện năm 2016

STT	Nội dung	Thực hiện 2015	Năm 2016		ĐV
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh số	53.035.878.685	60.500.000.000	53.039.532.421	đồng
2	Lợi nhuận	910.048.887	1.000.000.000	1.285.120.341	đồng
3	Thuế nộp NSNN	11.263.432.010	13.000.000.000	10.890.225.000	đồng
4	Số lao động BQSD	37	47	37	người

II Phương pháp tính quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2016:

Công ty áp dụng điều 14 Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động và TBXH

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định theo công thức sau:

$$V_{th2016} = TL_{bqth2016} \times L_{thbq2016} \times 12 + V_{dt} \quad (10)$$

V_{th}: Quỹ tiền lương thực hiện

TL_{bqth}: Mức tiền lương bình quân thực hiện

L_{thbq}: Số lao động bình quân thực tế sử dụng

12: Số tháng trong năm

V_{dt}: Khoản chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể

1- Xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2016

Công ty xác định số lao động bình quân và năng xuất lao động bình quân

a- Lao động thực tế sử dụng bình quân (L_{tsd})

Ta áp dụng Phụ lục xác định số lao động bình quân và năng suất lao động bình quân (Ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của BLĐTBXH)

Số lao động bình quân tháng ta áp dụng công thức sau:

$$L_i = \frac{\sum_{j=1}^n x_j}{n}$$

Tháng 1 = 763/21 = 38,15

Tháng 2 = 604/16 = 37,75

Tháng 3 = 871/23 = 37,86

Tháng 4 = 769,5/20 = 38,47

Tháng 5 = 845/22 = 38,47

Tháng 6 = 834/22 = 37,9

Tháng 7 = 780,5/21 = 37,16

Tháng 8 = 846/23 = 36,7

Tháng 9 = 797,7/22 = 36,2

Tháng 10 = 749,5/21 = 35,69

Tháng 11 = 772/22 = 35,09

Tháng 12 = 762/22 = 34,5

Số lao động bình quân năm ta áp dụng công thức sau:

$$L_{bq} = \frac{\sum_{i=1}^t l_i}{t}$$

$$L_{bq} = \frac{(38+38+38+38+38+38+37+37+36+36+35+35)}{12} = 37 \text{ người}$$

b- Xác định năng suất lao động bình quân

* Tính năng suất lao động bình quân kế hoạch theo công thức số 13 PL kèm theo TT26:

$$W_{kh2016} = \frac{(\sum T_{kh2016} - \sum C_{kh2016}) \text{ hoặc } T_{spkh2016}}{L_{bqkh2016}}$$

Wth: Năng suất lao động bình quân kế hoạch

$\sum T_{th}$: tổng doanh thu kế hoạch

$\sum C_{th}$ tổng chi phí (chưa có lương) kế hoạch (Doanh số trừ các khoản gồm: thuế VAT, tiền lương theo kế hoạch , lợi nhuận kế hoạch)

Tsp tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ kế hoạch

Lttsd: Số lao động thực tế sử dụng bình quân kế hoạch

$$W_{kh2016} = \frac{(60.500.000.000 - (60.500.000/1,1 - 1.000.000.000 - 3.188.804.118 - 826.433.914))}{47}$$

$$W_{kh2016} = 223.728.469 \text{ đ}$$

* Tính năng suất lao động bình quân thực hiện trong năm 2016

$$W_{th2016} = \frac{(\sum T_{th2016} - \sum C_{th2016}) \text{ hoặc } T_{spth2016}}{L_{bqth2016}}$$

Wth: Năng suất lao động bình quân thực hiện

$\sum T_{th}$: tổng doanh thu thực hiện

$\sum C_{th}$ tổng chi phí (chưa có lương) thực hiện (Doanh số trừ các khoản gồm: thuế VAT, tiền lương theo thực hiện , lợi nhuận thực hiện)

Tsp tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ thực hiện

Lttsd: Số lao động thực tế sử dụng bình quân thực hiện

$$W_{th2016} = \frac{(\sum T_{th2016} - \sum C_{th2016}) \text{ hoặc } T_{spth2016}}{L_{bqth2016}}$$

$$W_{th2016} = \frac{(53.039.532.421 - (53.039.532.421/1,1 - 1.285.120.341 - 2.321.328.137))}{37}$$

$$W_{th2016} = \frac{53.039.532.421 - 44.611.308.268}{37}$$

$$W_{th2016} = 227.789.842 \text{ đ}$$

(Tiền lương lấy theo số thực chi đến 15/12/2016: 2.321.328.137)

* Tính năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2015 (năm trước liền kề)

Ta áp dụng như công thức trên

$$W_{th2015} = \frac{(\sum T_{th2015} - \sum C_{th2015}) \text{ hoặc } T_{spth2015}}{L_{bqth2015}}$$

Wth: Năng suất lao động bình quân thực hiện năm trước liền kề

$\sum T_{th}$: tổng doanh thu thực hiện năm trước liền kề

ΣC_{th} tổng chi phí (chưa có lương) thực hiện năm trước liền kề (Doanh số trừ các khoản gồm: thuế VAT, tiền lương theo thực hiện , lợi nhuận thực hiện)

T_{sp} tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ thực hiện năm trước liền kề

Lttsd: Số lao động thực tế sử dụng bình quân thực hiện năm trước liền kề

$$W_{th2015} = \frac{(\Sigma T_{th2015} - \Sigma C_{th2015}) \text{ hoặc } T_{spth2015}}{L_{bqth2015}}$$

$$W_{th2015} = \frac{(53.035.878.685 - (53.035.878.685/1,1-910.048.887-2.283.664.272-616.813.181))}{37}$$

$$W_{th2015} = \frac{53.035.878.685 - 44.403.908.828}{37}$$

$$W_{th2015} = 233.296.482 \text{ đ}$$

Từ các chỉ tiêu đạt được, Công ty tính mức tiền lương bình quân kế hoạch 2016 tại điểm a mục 3 điều 9

$$TL_{bqkh2016} = TL_{bqth2015} - TL_{ns} + TL_{ln} \quad (6)$$

$TL_{bqkh2016}$: Mức tiền lương bình quân kế hoạch

$TL_{bqth2015}$: Mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề

TL_{ns} : Khoản tiền lương giảm theo năng suất lao động bình quân

W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch; W_{thnt} : năng suất lao động bình quân thực hiện năm trước liền kề

TL_{ln} : Khoản tiền lương tăng thêm theo lợi nhuận

- Mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2015 ($TL_{bqth2015} = 5.143.388 \text{ đ}$)

- **Xác định khoản tiền lương giảm theo năng suất lao động bình quân theo công thức (7) TT26**

$$TL_{ns} = TL_{bqth2015} \times \left(1 - \frac{W_{kh2016}}{W_{th2015}}\right) \times 0,8$$

$$TL_{ns} = 5.143.388 \times \left(1 - \frac{223.728.469}{233.296.482}\right) \times 0,8$$

$$TL_{ns} = 5.143.388 \times 0,041 \times 0,8$$

$$TL_{ns} = 168.703 \text{ đ}$$

- **Xác định khoản tiền lương tăng theo lợi nhuận theo công thức (3)**

$$TL_{ln} = TL_{bqth2015} \times \left(\frac{P_{kh2016}}{P_{th2015}} - 1\right) \times 0,2$$

$$TL_{ln} = 5.143.388 \times \left(\frac{1.000.000.000}{910.048.887} - 1\right) \times 0,2$$

$$TL_{ln} = 5.143.388 \times 0,099 \times 0,2$$

$$TL_{ln} = 101.839 \text{ đ}$$

Từ các chỉ tiêu trên ta thay vào công thức (6)

$$TL_{bqkh2016} = 5.143.388 - 168.703 + 101.839$$

$$TL_{bqkh2016} = 5.076.524 \text{ đ}$$

Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động năm 2016: 5.076.524 đ

2- Xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2016

Năng suất kế hoạch 2016: 223.728.469

Năng suất thực hiện 2016: 227.789.842

Lợi nhuận kế hoạch 2016: 1.000.000.000

Lợi nhuận thực hiện 2016: 1.285.120.341

Từ các chỉ tiêu đạt được, Công ty áp dụng tính mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2016 tại mục 1 điều 9 Thông tư 26 là công ty có năng suất lao động bình quân thực hiện tăng so với kế hoạch thì mức tiền lương thực hiện năm 2016 được xác định (theo công thức 1) như sau:

$$TL_{bqth2016} = TL_{bqkh2016} + TL_{bqkh2016} \times \left(\frac{Wth2016}{Wkh2016} - 1 \right) \times Htlns \quad (1)$$

$TL_{bqth2016}$: Mức tiền lương bình quân thực hiện

$TL_{bqkh2016}$: Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2016

Wth: Năng suất lao động bình quân thực hiện; Wkh: năng suất lao động bình quân kế hoạch

Htlns: Hệ số tiền lương tăng theo mức tăng năng suất lao động (Vì công ty có lợi nhuận thực hiện cao lợi nhuận kế hoạch thì Htlns tối đa không được vượt 1,0 nên công ty chọn 1,0)

$$TL_{bqth2016} = 5.076.524 + 5.076.524 \times \left(\frac{227.789.842}{223.728.469} - 1 \right) \times 1$$

$$TL_{bqth2016} = 5.076.524 + 5.076.524 \times (1,0182 - 1) \times 1$$

$$TL_{bqth2016} = 5.076.524 + 92.393$$

$$TL_{bqth2016} = 5.168.917$$

Mức tiền lương bình quân thực hiện của người lao động năm 2016: 5.168.917 đ

3- Xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2016:

Công ty áp dụng mục 1 điều 14 Thông tư 26:

$$V_{th2016} = TL_{bqth2016} \times L_{thbq2016} \times 12 + V_{dt} \quad (10)$$

$$V_{th2016} = 5.168.917 \times 37 \times 12 = 2.294.999.148 \text{ đ}$$

(Ghi chú: công ty không có cán bộ chuyên trách đoàn thể nên không có V_{dt})

Tổng quỹ lương thực hiện của người lao động năm 2016: 2.294.999.148 đồng

Hai tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn một trăm bốn mươi tám đồng.

Ngày 11 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Văn Toàn

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN
NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2016		Kế hoạch năm 2017
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	10.857	10.857	10.857
2	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	60.500	53.040	57.000
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	55.000	48.218	51.864
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	13.000	10.890	12.046
6	Lợi nhuận	Tr.đồng	1.000	1.285	1.050
7	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr./năm	224		209
8	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr./năm		228	
II	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Số người quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người	3	3	3
2	Hạng công ty được xếp	-	III	III	III
3	Hệ số mức lương bình quân	-	15,63	15,63	15,63
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/th	18,667	18,667	18,667
5	Hệ số tăng thêm so mức lương cơ bản (nếu có)				
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	658	790	907
7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	18	22	25
III	Thù lao của người quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người	1	1	1
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%	20	20	20
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng	42	25	58
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th	4	4	5
IV	Tiền thưởng, thu nhập				
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng			
2	Mức thu nhập bình quân của người quản lý chuyên trách	Tr.đồng/th	658	790	907
3	Mức thu nhập bình quân của người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng/th	42	25	58

Người lập



Nguyễn Thị Nga

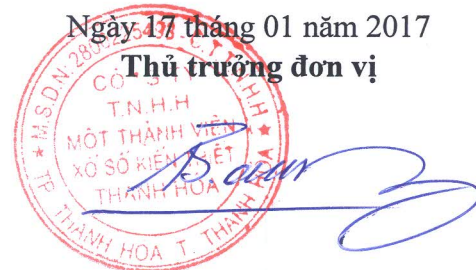
Kế toán trưởng



Lê Văn Toàn

Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



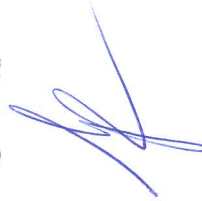
Nguyễn Trọng Quang

**BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG BÌNH QUÁN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH
NĂM 2017 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội)

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên ông chuyên trách	Tiền lương			Tiền thưởng			Thù lao			Thu nhập		
				Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2017
1	Nguyễn Trọng Quang	CT kiểm GD		252	302	347							252	302	347
2	Hoàng Văn Lâm	PGD		210	252	290							210	252	290
3	Lê Văn Toàn	KTT		196	235	270							196	235	270
4	Lê Tiến Vinh	KSV										42	25	58	

Người lập



Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng



Lê Văn Toàn

Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trọng Quang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động

Thương binh và Xã hội)

TT	Tên công ty	Người quản lý chuyên trách						Người quản lý không chuyên trách													
		Số lượng (người)		Quỹ tiền lương (tr.đồng)		Quỹ tiền thưởng (tr.đồng)		Số lượng (người)		Quỹ tiền lương (tr.đồng)		Quỹ tiền thưởng (tr.đồng)									
		Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước								
1	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa	3	3	3	658	790	907					1	1	1	42	25	58				

Người lập



Nguyễn Thị Nga

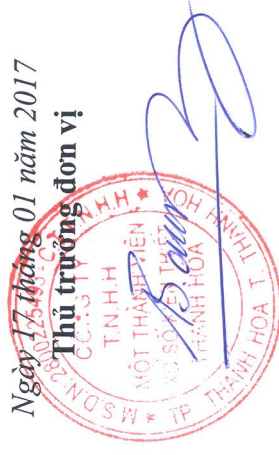
Kế toán trưởng



Lê Văn Toàn

Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trọng Quang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động

Thương binh và Xã hội)

ĐVT: người

TT	Tình hình sử dụng lao động năm trước						Kế hoạch sử dụng lao động năm 2017			
	Tổng số lao động kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12	Số từ năm trước chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm	Tổng số lao động sử dụng bình quân	Số lao động thời việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động kế hoạch	Trong đó	
								Số lao động năm trước chuyển sang	Số lao động tuyển dụng mới	Số lao động thời việc, mất việc, nghỉ hưu
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13
1	Người quản lý	4	4	4			4	5		
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	36	36	36		1	33	42	7	1
3	Lao động trực tiếp SXKD									
4	Lao động thừa hành, phục vụ									
	Tổng cộng	40	40	40	-	1	37	47	40	1

Người lập



Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng



Lê Văn Toàn

Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trọng Quang

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội)

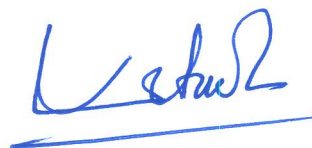
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2016		Kế hoạch năm 2017
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	60.500	53.040	57.000
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	55.000	48.218	51.864
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	1.000	1.285	1.050
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	13.000	10.890	12.046
II	Tiền lương				
1	Lao động kế hoạch	Người	47		47
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		37	
3	Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng			
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	5.654		4.638
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		5.169	
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đ/năm	224		209
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đ/năm		228	
8	Phân chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng	0	0	0
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	3.189		2.616
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		2.294	
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		250	
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng	6.500	6.200	6.700

Người lập



Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng



Lê Văn Toàn

Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trọng Quang

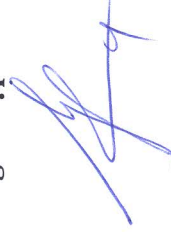
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA NGƯỜI
LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội)

STT	Tên công ty	Chi tiêu sản xuất, kinh doanh												Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động (tr.đ/tháng)	Mức tiền lương bình quân (tr.đ/tháng)	Quỹ tiền lương (tr.đ)	Quỹ khen thưởng phúc lợi (tr.đ)								
		Tổng doanh thu (tr.đ)		Lợi nhuận (tr.đ)		Tổng chi chưa có lương (tr.đ)		Lao động (người)		Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động (tr.đ/tháng)		Mức tiền lương bình quân (tr.đ/tháng)													
		KH năm trước	TH năm trước	KH năm trước	TH năm trước	KH năm trước	TH năm trước	KH năm trước	TH năm trước	Thực tế sử dụng BQ	Theo KH động BQ	TH năm trước	Theo lao động KH	TH năm trước	KH năm trước	TH năm trước	KH năm trước	TH năm trước							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1	Công ty TNHH 01 TV xã số kiến thiết Thanh Hóa	60.500	53.040	57.000	1.000	1.285	1.050	55.486	49.434	52.369	47	41	37	47			5.654	5.169	4.638	3.188	2.294	2.616			250

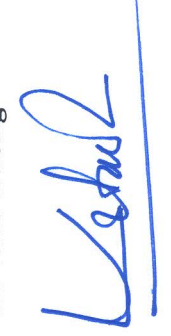
Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng



Lê Văn Toàn

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trọng Quang